

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 08/2019/DS-PT

Ngày 27-3-2019

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.
Bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1947; cư trú tại: thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đào Quang Nghị - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; cư trú tại: thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1980; cư trú tại: thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2017; có mặt)

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; cư trú tại: phố Đ, phường L V, quận N, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; cư trú tại: khu phố A, phường B, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Anh Đinh Thế H, sinh năm 1980; cư trú tại: ngõ H, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

+ Anh Đinh Hải Ng, sinh năm 1983; cư trú tại: tổ 45 phường K, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1980; cư trú tại: thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ánh Tt, sinh năm 1975; cư trú tại: thôn A, xã C, huyện H, Thái Bình. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Quốc M, sinh năm 1973; cư trú tại: P, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1978; cư trú tại: khu phố Tân Th, phường T, thị xã, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quốc M, chị Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Phú T, anh Đinh Hải Ng và anh Đinh Thế Hg:* Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1980; cư trú tại: thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (Các văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017, 02/02/2018, 16/11/2017, 10/11/2017, 09/11/2017, 26/02/2019; có mặt)

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc N - Người có quyền lợi liên quan; người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ; người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quốc M, chị Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Phú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng , tỉnh Thái Bình nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh Thắng trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau*

Bố mẹ ông Nguyễn Mạnh Th là cụ Nguyễn Văn Trà và cụ Nguyễn Thị Tý có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Mạnh Th. Ông L chết năm 2014 có vợ bà Nguyễn Thị Đ, ông Liên và bà Đ sinh được 4 người con là anh Nguyễn Quốc M, anh Nguyễn Phú T, chị Nguyễn Thị Tv và anh Nguyễn Ngọc N. Bà S chết năm 2005 có chồng là Đinh Văn N (đã chết), bà S và ông N có 02 người con là anh Đinh Thế H và anh Đinh Hải Ng.

Cụ Trà chết năm 1993 và cụ Tý chết năm 1999, cả hai cụ đều không để lại di chúc và không để lại nghĩa vụ gì về tài sản. Khi còn sống cụ Trà và cụ Tý có tài sản là 03 gian nhà gỗ lợp ngói diện tích 56 m² và một số cây lâu năm trên diện tích đất

thổ cư 425 m² thuộc thửa đất số 149 và 55 m² đất ao thuộc thửa đất 146 bản đồ 299 thuộc thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Năm 1976, cụ Trà và cụ Tý đã cho ông Th diện tích đất 390 m² thuộc thửa 150 bản đồ 299 đã đứng tên ông Th và ngõ đi rộng 02 m, dài 24 m thuộc thửa đất số 149. Đến năm 1991 ông Th mới sử dụng ngõ đi này, khi đó cụ Trà, cụ Tý và ông Liên còn sống cùng không có ý kiến. Tại bản đồ 299, không thể hiện phần ngõ đi mà vẫn thuộc thửa đất 149 là do công tác đo đạc. Sau khi cụ Trà và cụ Tý chết, đến năm 2012 ông L và vợ là bà Đ mới về ở trên đất của cụ Trà và cụ Tý, đã phá dỡ 03 gian nhà gỗ lợp ngói xây dựng nhà mái bằng. Năm 2015, ông Thắng cùng với gia đình đã họp bàn nhiều lần để bà Đ tự nguyện chia cho ông Thắng một phần diện tích đất thuộc phần di sản mà ông Th được hưởng để mở rộng ngõ đi của gia đình nhưng bà Đ không chấp nhận.

Ngày 23/10/2017, ông Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý để lại là giá trị 03 gian nhà lợp ngói và một số cây lưu niên, diện tích đất thuộc thửa đất 149 và 146 bản đồ 299 thuộc thôn Hậu Thượng xã Bạch Đằng do bà Đ đang quản lý theo pháp luật. Ông Thắng yêu cầu được hưởng bằng hiện vật là 1/5 tài sản mà bố mẹ ông để lại.

Ngày 14/8/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi lại diện tích đất thuộc thửa đất 149 theo hiện trạng đã đo đạc mà bà Đ đang quản lý và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này. Ông Thắng rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại và chia di sản là 03 gian nhà gỗ lợp ngói diện tích 56 m², một số cây lưu niên và diện tích đất ao 55 m² thuộc thửa đất 146 bản đồ 299; ông Thắng bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi bà Đ phải trả lại diện tích đất 12 m² nằm ở phía Đông Bắc thửa đất bà Đ đang quản lý, mà bà Đ và ông Liên đã lấn chiếm của ông Th.

** Anh Nguyễn Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đ; đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan là bà Hải, bà Vân, chị Tuyết, anh Tân, anh Minh và là người có quyền lợi liên quan trình bày trình bày:*

Ông bà nội anh N là cụ Nguyễn Văn Trà (chết năm 1993) và cụ Nguyễn Thị Tý (chết năm 1999). Về quan hệ huyết thống, anh N trình bày thống nhất như ông Th đã trình bày. Ông bà nội anh N được tổ tiên để lại cho diện tích đất hơn 800 m² tại thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Vào khoảng thập niên 70 ông bà nội anh N và gia đình đã cho ông Th một phần đất làm nhà ở, phần còn lại cho bố anh là ông Nguyễn Ngọc Liên là con trai trưởng quản lý, sử dụng và thờ phụng tổ tiên. Bà Hải, bà Vân, bà Sinh đi lấy chồng. Sau khi bố mẹ anh N kết hôn với nhau thì chung sống cùng với ông bà nội anh, đến khi ông Thắng lấy vợ thì bố mẹ anh N chuyển về nhà ông bà ngoại anh N ở. Đến sau khi ông bà nội anh N chết thì bố mẹ anh chuyển về ở tại nhà đất của ông bà nội anh N để trông nom và thờ cúng tổ tiên, đến năm 2012 phá nhà cũ để xây dựng nhà mới như hiện nay.

Theo bản đồ 299/TTg xã Bạch Đằng thể hiện: Phần đất ông Th đang quản lý

là thửa số 150, có diện tích 390 m², không có ngõ đi ra phía ngoài. Phần đất bà Đ đang quản lý là 02 thửa số 149 có diện tích là 425 m² bao gồm 360 m² đất ở nông thôn (gồm cả phần đất cho ông Th mượn làm ngõ đi) và 65 m² đất vườn tạp (phần này đã trừ vào đất ruộng nông nghiệp của gia đình bà Đ); thửa số 146 có diện tích 55 m² là đất ao nông nghiệp (phần đất này đã được trừ vào đất nông nghiệp của gia đình bà Đ).

Nay ông Th yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Trà và cụ Tý mà hiện nay mẹ anh là bà Đ đang quản lý, anh N không đồng ý vì ông Th đã được ông bà nội anh chia cho phần diện tích đất 390 m² mà hiện nay ông Th đang sử dụng. Ngoài ra anh N cho rằng phần diện tích ngõ đi và phần diện tích 11,9 m² phía Đông Bắc giáp công trình phụ nhà anh mà gia đình ông Th hiện nay đang sử dụng nằm trong phần di sản thừa kế, nên việc ông Th yêu cầu mẹ anh là bà Đ phải chia cho ông Th bằng một phần di sản mà cụ Trà, cụ Tý để lại là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị V trình bày và có quan điểm như sau:* Bà V thống nhất về quan hệ huyết thống và thời điểm mở thừa kế như ông Th và anh N đã trình bày. Khi bố mẹ bà V còn sống có mảnh đất diện tích khoảng 800 m², vào thập niên 70 bố mẹ bà cho ông Th một phần làm nhà ở, phần còn lại cho ông Liên và bà Đ là trai trưởng và dâu trưởng quản lý, sử dụng và thờ cúng tổ tiên. Cụ thể theo bản đồ 299/TTg xã Bạch Đằng 2 thửa đất số 149 và số 150 là của bố mẹ bà cho 2 anh là ông L và ông Th. Thửa 150 ông Th sử dụng 390 m² không có ngõ đi ra phía ngoài. Thửa 149 bà Đ sử dụng là 425 m² trong đó 55 m² ao và cả phần ngõ đi. Bà V cho rằng thửa đất 150 có 390 m² là quyền sử dụng của ông Th, thửa 149 là 425 m² và cả đất ao do bà Đ và các con sử dụng, trông coi và thờ phụng tổ tiên, ông bà cha mẹ. Ngoài ra sau này có cho tặng là quyền của bà Đ và các cháu, ông Th muốn chia 5 thì lấy cả 800 m² đất của bố mẹ để lại chia cho 5 con.

** Người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày và có quan điểm như sau:* Cụ Trà, cụ Tý có 800 m² đất, vào khoảng thập niên 70 các cụ đã cắt cho ông Th 390 m² đất để sử dụng, còn lại là của cụ Trà, cụ Tý nên ông Th không có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản mà bà Đ đang quản lý sử dụng. Nếu ông Th yêu cầu chia thì gộp cả diện tích đất của gia đình ông Th đang sử dụng vào chia làm 5. Bà cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nhưng cũng có nguyện vọng để cho bà Đ quản lý, sử dụng phần diện tích đất của bà để làm nơi thờ cúng tổ tiên.

** Người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày và có quan điểm như sau:* Chị T đồng ý với ý kiến của bà H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị T có nguyện vọng để lại phần diện tích đất cho bà Đ là mẹ chị quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên.

** Người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Phú T trình bày và có quan điểm như sau:* Khi ông nội anh Tân là cụ Trà còn sống khoảng năm 1990, anh T đã chứng kiến việc cụ Trà chia cho ông Th một phần đất, diện tích cụ thể, số thửa, số

bản đồ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T không nhớ, chia theo bản đồ 299, đất đã được xác định ranh giới. Phần còn lại cụ Trà và cụ Tý trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau khi ông bà nội anh T chết thì bố mẹ anh Tân là ông L và bà Đ trở về quản lý, sử dụng phần đất còn lại, đến khoảng năm 2010 xây dựng nhà mái bằng để sinh sống. Năm 2014, ông L chết, bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất trên. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu chia di sản mà ông bà nội anh T để lại, anh Tân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T đã có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc N tham gia tố tụng tại Tòa án, anh N được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của anh T.

** Người có quyền lợi liên quan là anh Đinh Hải Ng trình bày và có quan điểm như sau:* Anh Ng đã nhận được thông báo và các văn bản của Tòa án về việc yêu cầu chia phần di sản mà cụ Trà, cụ Tý để lại theo yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh Th. Do anh Ng nhà ở xa và là thế hệ sau không biết về nguồn gốc đất của ông bà ngoại (tức cụ Trà, cụ Tý) ở thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình để lại như thế nào, nên anh Ng không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

** Người có quyền lợi liên quan là anh Đinh Thế H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt và không có văn bản trình bày quan điểm gửi cho Tòa án.*

Tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã quyết định:

Áp dụng vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 156, Điều 165, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 Pháp lệnh về thừa kế; Điều 648 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 164, Điều 166, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 617, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu kiện đòi di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Mạnh Th đối với diện tích đất tại thửa số 149, tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299/TTg ở thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả lại di sản thừa kế đối với diện tích đất hiện còn lại là 380 m² cụ Trà, cụ Tý để lại tại thửa số 149, tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299/TTg ở thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Phần di sản của cụ Trà, cụ Tý để lại được chia làm 5 phần, mỗi phần thừa kế được hưởng 1/5 diện tích đất là 76 m² (trong đó: 72 m² đất thổ cư và 4 m² đất vườn), trị giá: 64.968.000 đồng, gồm:

+ Phần diện tích đất của ông Nguyễn Mạnh Th được hưởng là 76 m².

+ Phần diện tích đất của ông Nguyễn Ngọc L được hưởng 76 m² do ông L đã

mất nên bà Đ, anh Minh, anh Tân, chị Tuyết, anh N được hưởng.

- + Phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị V được hưởng là 76 m².

- + Phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị H được hưởng là 76 m².

- + Phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị S được hưởng 76 m² do bà S và chồng là ông N đều đã mất nên anh H, anh Ng được hưởng.

- Phần diện tích đất 76 m² (trong đó 72 m² đất thổ cư và 4 m² đất vườn) ông Nguyễn Mạnh Th có quyền sử dụng được xác định ranh giới như sau: Ranh giới phía Đông N lấy bức tường bao cũ của gia đình ông Th làm chuẩn được xác định từ điểm 2 đến điểm 3 và 4 có chiều dài 24,35 m giáp phần đất ngõ đi hiện tại của gia đình ông Nguyễn Mạnh Th. Ranh giới phía Đông Bắc được xác định từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 6,12m giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Th đang sử dụng. Ranh giới phía Tây N (1) được xác định từ điểm 4 đến điểm 5 dài 2,90m giáp phần đất lưu không của đường thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng; Ranh giới phía Tây N (2) được xác định từ điểm 6 đến điểm 7 dài 3,08m giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng. Ranh giới phía Tây Bắc (1) được xác định từ điểm 5 đến điểm 6 dài 23,77m giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng; Phía Tây Bắc (2) được xác định từ điểm 1 đến điểm 7 có chiều dài 0,80m giáp phần đất của gia đình ông Nguyễn Mạnh Th đang sử dụng. (Có bản vẽ, đo đạc, sơ đồ, vị trí tọa độ các điểm kèm theo bản án).

- Ông Nguyễn Mạnh Th được sở hữu một số cây cối có giá trị thấp trên phần diện tích đất được hưởng không buộc ông Th phải thanh toán giá trị của các cây cối đó cho bà Nguyễn Thị Đ.

- Giao toàn bộ phần diện tích đất còn lại của các hàng thừa kế được hưởng gồm bà Nguyễn Thị V (76 m², trị giá 64.968.000 đồng); bà Nguyễn Thị H (76 m², trị giá 64.968.000 đồng) và anh Đình Thế H, anh Đình Hải Ng (76 m², trị giá 64.968.000 đồng) cho bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục quản lý sử dụng, buộc bà Đ có trách nhiệm thanh toán cho: Bà Nguyễn Thị V số tiền 64.968.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 64.968.000 đồng; Anh Đình Thế H và anh Đình Hải Ng số tiền 64.968.000 đồng, do quá trình giải quyết vụ án, anh Hùng vắng mặt chưa có ý kiến, không có lời khai vì vậy giao cho anh Ng quản lý số tiền mà anh H được hưởng phần di sản thừa kế.

- Ông Nguyễn Mạnh Th có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc N công sức tôn tạo, quản lý tài sản 2.000.000 đồng; Tiền thuế sử dụng đất đối với diện tích ngõ đi là 48 m² là 2.000.000 đồng và công sức giá trị bức tường bao mà bà Đ, anh N xây tháng 4/2017 là 3.000.000 đồng. Tổng là 7.000.000 đồng.

- Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh Th đòi lại di sản đối với diện tích tại thửa số 146 tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299/TTg và các di sản thừa kế trên nằm trên diện tích đất tại thửa số 149 tờ bản đồ

số 01/DC bản đồ 299/TTg ở thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra án còn tuyên về việc thi hành án dân sự, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 05/10/2018, anh Nguyễn Ngọc N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nguồn gốc sử dụng 02 lô đất số 149 (do bà Đ đang sử dụng) và lô 150 (do ông Th đang sử dụng) tại tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299/TTg tại thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; xác định lại mốc giới của thửa đất số 149 và 150 theo mốc giới của ông cha để lại; xác định ông Th đã có phần đất ở do cụ Trà và cụ Tý để lại, nên không được hưởng phần di sản còn lại; xem xét lại việc đền bù tài sản trên đất nếu chia thừa kế.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh H và anh Ng có văn bản ủy quyền cho anh N tham gia tố tụng. Bà H, bà V, chị T, anh T, anh M, anh N, anh H và anh Ng đều có đơn xin nhường quyền sử dụng di sản thừa kế được chia cho bà Đ sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Ngọc N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xác định di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý là thửa đất 149 như diện tích và mốc giới theo bản đồ 299, nếu chia cho ông Th bằng diện tích đất thuộc thửa đất 149 thì yêu cầu ông Th phải thanh toán giá trị bức tường, tiền thuê sử dụng đất và công trông coi, tôn tạo tài sản, không yêu cầu phải thanh toán giá trị các cây trồng trên đất chia cho ông Th. Anh N và những người có quyền lợi liên quan ủy quyền cho anh N tham gia tố tụng đều thông nhất nhường lại kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Đ sử dụng và không yêu cầu bà Đ phải thanh toán giá trị. Anh N tự nguyện chịu cả chi phí thẩm định lại.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý để lại là diện tích đất 380,3 m² tại thửa đất 149 bản đồ 299 hiện do bà Đ quản lý, ông Th đã được bố mẹ cho diện tích đất ngõ 48,2 m² thuộc thửa đất 149 bản đồ 299 và đã sử dụng làm ngõ đi từ năm 1991, không phải là di sản của cụ Trà và cụ Tý.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Phần ngõ đi có diện tích 48,2 m² đã được cụ Trà và cụ Tý cho ông Th từ năm 1976, đến năm 1991 ông Th đã xây dựng tường bao và là ngõ đi duy nhất của gia đình ông Th. Phần đất 11,9 m² phía Đông Bắc giữa công trình phụ của bà Đ và đất ông Th mà anh N cho rằng thuộc thửa đất 149 nhưng không có căn cứ. Di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý chỉ có diện tích đất do bà Đ đang quản lý theo hiện trạng đo đạc là 380,3 m². Còn tường bao do anh N xây dựng khi ông Th đã nộp đơn đề nghị chính quyền địa phương hòa giải việc tranh chấp, nên ông Th không phải thanh toán giá trị; về thuê sử dụng đất phải xem xét từ thời điểm cụ Tý chết; về công tôn tạo đất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc ông Th trình bày cụ Trà và cụ Tý cho diện tích đất ngõ 48,2 m² là có căn cứ, vì đây là ngõ đi duy nhất của gia đình ông Th và ông Th đã xây tường bao, sử dụng từ năm 1991. Xác định hiện trạng đất bà Đ đang quản lý 380,3 m² là di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý. Không chấp nhận việc anh N yêu cầu anh Th phải thanh toán cả giá trị bức tường bao, vì xây dựng sau khi có tranh chấp, chỉ chấp nhận thanh toán 3.000.000 đồng như cấp sơ thẩm đã quyết định; chấp nhận thanh toán công sức duy tu bảo quản di sản của bà Đ là 2.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của anh N; công nhận việc những người có quyền lợi liên quan nhường kỷ phần thừa kế cho bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc N đề ngày 05/10/2018 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Cụ Trà chết năm 1993 và cụ Tý chết năm 1999, đến ngày 23/10/2017 ông Thắng nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý để lại là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy, ông L là con và chết sau cụ Trà và cụ Tý chết, vì vậy bà Đ là vợ ông L và đang quản lý di sản thuộc diện được hưởng phần di sản của ông Liên được chia. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi di sản và yêu cầu chia di sản thừa kế” là không chính xác, cần phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

[3] Về diện và hàng thừa kế: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Trà và cụ Tý chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Tòa án sơ thẩm xác định cụ Trà và cụ Tý có 05 người con, do ông L và bà S chết sau cụ Tý và cụ Trà, vì vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trà và cụ Tý gồm có 05 người là ông L, bà S, bà H, bà V và ông Th. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trà và cụ Tý đều đủ điều kiện để hưởng di sản theo pháp luật. Ông L chết năm 2014, có vợ là bà Đ và 04 con là chị T, anh T, anh M, anh N, nên bà Đ và 04 con của ông L được hưởng kỷ phần di sản của ông L được hưởng; bà S chết năm 2005, có chồng nhưng đã chết và có 02 con là anh H và anh Ng, nên anh H và anh

Ng được hưởng kỷ phần của bà S được hưởng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về di sản thừa kế: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc N về di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[4.1] Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định đo đạc hiện trạng diện tích đất tranh chấp, kết quả thể hiện: Diện tích đất thuộc thửa đất số 149 do bà Đ đang quản lý là 380,3 m², trên đó bà Đ đã xây dựng nhà mái bằng và công trình phụ khép kín một tầng, xây dựng tường bao, tường bao phía N dài 15,86 m, cao 2,1 m trị giá 8.400.000 đồng; tường bao phía Tây dài 12,54 m, cao 2,1 m trị giá 8.500.000 đồng. Diện tích đất ngõ ông Th đang sử dụng là 48,2 m², ngăn cách giữa phần đất bà Đ quản lý và ngõ đi là 01 bức tường cũ (theo ông Th trình bày xây năm 1992) dài 15,86 m, cao 01 m trị giá 640.000 đồng, liền kề bức tường cũ do ông Th xây dựng là bức tường bao dài 15,86 m, cao 2,1 m do bà Đ xây dựng nêu trên. Trên phần đất bà Đ đang quản lý tiếp giáp với ngõ đi ông Th đang sử dụng là vườn cây có 03 cây hòe, 01 cây cách tường bao 0,5 m và 02 cây cách tường bao 02 m. Phần đất tiếp giáp giữa công trình phụ mà bà Đ đã xây dựng và thửa đất 150 của ông Th có diện tích là 11,9 m². Phía Đông thửa đất 150 của ông Th giáp với đất vườn thuộc tiêu chuần ruộng nông nghiệp của gia đình ông Th, tiếp đến là nương thủy lợi và đường đi vào hội trường thôn Hậu Thượng.

[4.2] Theo tài liệu địa chính 299 đo đạc năm 1981 và sổ đăng ký ruộng đất khi thành lập bản đồ 299 do Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng cung cấp thể hiện phần diện tích đất do bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý sử dụng tại thôn Hậu Thượng xã Bạch Đằng mang tên cụ Nguyễn Văn Trà và cụ Nguyễn Thị Tý là thửa 149 có diện tích 425 m² loại đất T và thửa 146 có diện tích 55 m² (ao); trong bản đồ và sổ đăng ký ruộng đất có ghi diện tích, tên người sử dụng và hình thể thửa đất, loại đất nhưng không ghi kích thước cụ thể. Ông Nguyễn Mạnh Th đứng tên sử dụng thửa đất số 150 diện tích 390 m², ký hiệu T, không thể hiện kích thước và có hình thể trên bản đồ ranh giới tiếp giáp với thửa đất số 149 thể hiện là một đường thẳng. Tại UBND xã Bạch Đằng, sau khi đo đạc bản đồ 299 năm 1981 thì đến năm 2018 có đo đạc Vlap, nhưng do ông Th và bà Đ có tranh chấp nên số liệu đo đạc chưa được nghiệm thu đối với các thửa đất do bà Đ và ông Th đang quản lý sử dụng. Theo tài liệu địa chính 299 thì không thể hiện ngõ đi như hiện nay, chính quyền địa phương không biết ngõ đi có từ khi nào vì khi làm không khai báo, không có căn cứ pháp lý cho thấy cụ Trà và cụ Tý đã cho ông Th ngõ đi, còn ông Th trình bày làm ngõ đi từ năm 1991. Diện tích đất ngõ đi mà ông Th đang sử dụng vẫn thuộc thửa đất số 149 có diện tích đất 425 m² đứng tên cụ Trà và cụ Tý, trong đó có 360 m² là hạn mức đất ở và 65 m² đất vườn tạp đã quy đổi sang đất nông nghiệp của cụ Trà và cụ Tý. Ông Th chỉ nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích đất 390 m² tại thửa 150, gia đình bà Đ nộp thuế sử dụng đất đối với thửa 149 có diện tích 425 m². Hiện trạng diện tích đất bà Đ đang quản lý và ngõ đi ông Th đang sử dụng là 428,5 m², tăng lên so với diện tích trong bản đồ 299 là 3,5 m² là sai số do đo đạc bằng máy và đo tay.

[4.3] Xét thấy, anh N kháng cáo cho rằng cụ Trà và cụ Tý đã cho bố anh là ông L thừa đất 149 và 155, cho ông Th thừa đất 150 từ những năm 1970; những người có quyền lợi liên quan là bà H, bà V, chị T, anh T đều trình bày khi cụ Trà và cụ Tý còn sống đã cho ông L thừa đất 149 và 155, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ pháp lý nào khác để chứng minh việc cụ Trà và cụ Tý cho đất ông L. Anh N còn kháng cáo cho rằng phải xác định đúng mốc giới thửa đất 149 theo bản đồ 299 mà cụ Trà và cụ Tý đã để lại, trong đó còn diện tích đất khoảng 12 m² tiếp giáp giữa công trình phụ mà bà Đ đã xây dựng và thửa đất 150 của ông Th, cùng diện tích ngõ đi là thuộc diện tích của thửa đất 149. Còn ông Th trình bày đã được cụ Trà và cụ Tý cho ngõ đi từ năm 1976, nhưng khi lập bản đồ 299 vào năm 1981 và 1982, khi đó cụ Trà và cụ Tý còn sống vẫn kê khai phần diện tích đất mà ông Th sử dụng làm ngõ đi thuộc thửa đất 149 đứng tên cụ Trà và cụ Tý, việc nộp thuế sử dụng đất của thửa đất 149 sau khi cụ Tý chết do bà Đ nộp. Mặt khác, ông Th cũng thừa nhận trước năm 1991 thì ông Th đi qua sân nhà cụ Trà và cụ Tý để ra ngõ xóm; bà V, bà H, bà Đ, anh N, anh T đều trình bày khi còn sống thì cụ Trà và cụ Tý chỉ cho ông Th thừa đất 150 không có ngõ đi ra phía ngoài. Thực tế thì đây cũng không phải là lối duy nhất để mở ngõ đi, hiện trạng thửa đất 150 của ông Th vẫn còn có thể mở lối đi qua phần đất vườn của gia đình ông Th để ra đường vào hội trường thôn Hậu Thượng. Xét thấy, ông Th cho rằng cụ Trà và cụ Tý đã cho ông Th diện tích 48,5 m² đất thuộc thửa 149 để làm ngõ đi, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ bằng văn bản về việc tặng cho nêu trên. Anh N còn cho rằng phần đất tiếp giáp giữa công trình phụ mà bà Đ đã xây dựng và thửa đất 150 của ông Th có diện tích là 11,9 m², nhưng phần móng công trình phụ mà bà Đ xây dựng trên nền móng ngôi nhà cũ của cụ Trà và cụ Tý, mặt khác hiện trạng diện tích đất bà Đ đang quản lý và đất ngõ đi là 428,5 m², tăng lên so với bản đồ 299 là 3,5 m² nhưng là sai số do đo đạc bằng máy và bằng tay. Như vậy, chỉ có căn cứ để xác định diện tích ngõ mà ông Th đang sử dụng là thuộc thửa đất 149 có diện tích 428,5 m² là di sản của cụ Trà và cụ Tý để lại.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc N, cần sửa án sơ thẩm, cụ thể:

[5.1] Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý để lại là diện tích đất 428,5 m² tại thửa đất 149 (bản đồ 299) thuộc thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, trong đó phần diện tích bà Đ đang quản lý sử dụng là 380,3 m² và phần diện tích ngõ đi ông Th đang sử dụng là 48,2 m². Trong tổng diện tích đất 428,5 m² có 360 m² là hạn mức đất ở nông thôn, còn lại 68,5 m² là đất vườn. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã định giá diện tích đất ở trị giá 900.000 đồng/01 m² đất ở và 42.000 đồng/01 m² đất vườn, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự thống nhất mức giá như cấp sơ thẩm đã định giá. Di sản thừa kế của cụ Trà và cụ Tý để lại là diện tích đất 428,5 m² trị giá 326.877.000 đồng, được chia làm 5 phần, mỗi phần thừa kế được hưởng 1/5 diện tích đất là 85,7 m² (trong đó 72 m² đất ở và 13,7 m² đất vườn) trị giá 65.375.400 đồng.

[5.2] Về phân chia di sản thừa kế: Xét thấy, nguyên đơn là ông Th yêu cầu xin hưởng kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, những người có quyền lợi liên quan là bà H, bà V, chị T, anh T, anh M, anh N, anh H và anh Ng đều có đơn xin nhường quyền sử dụng di sản thừa kế được chia cho bà Đ toàn quyền sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan trên trình bày những người này nhường cho bà Đ được quyền sử dụng kỷ phần mà mình được chia cho bà Đ và không yêu cầu bà Đ phải thanh toán giá trị. Vì vậy, chia cho ông Th sử dụng diện tích đất 85,7 m² trong đó có phần diện tích đất ngõ đi và sở hữu bức tường bao phía N (dài 15,86 m và cao 2,1 m), bức tường bao phía Tây (dài 1,3 m và cao 2,1 m) do bà Đ xây dựng và 01 cây hòe. Xét thấy, tuy anh N và bà Đ xây dựng bức tường khi ông Th đã có đơn đề nghị chính quyền địa phương hòa giải việc tranh chấp, nhưng chính quyền địa phương cũng không có yêu cầu buộc phải dừng việc xây dựng, nên ông Th phải thanh toán giá trị 02 bức tường cho bà Đ và anh N số tiền 9.077.000 đồng, công sức tôn tạo và quản lý di sản là 2.000.000 đồng là phù hợp. Còn yêu cầu thanh toán tiền thuế đất, Hội đồng xét xử thấy đã xác định đất ngõ thuộc di sản của cụ Trà và cụ Tý, nên không buộc ông Th phải thanh toán tiền thuế sử dụng đất ngõ đi cho bà Đ là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi liên quan về việc nhường kỷ phần di sản thừa kế được chia cho bà Đ toàn quyền sử dụng, chia cho bà Đ sử dụng diện tích đất 342,8 m², trong đó có 288 m² đất ở và 54,8 m² đất vườn, bà Đ không phải thanh toán giá trị các kỷ phần thừa kế mà những người có quyền lợi liên quan đã nhường cho bà Đ sử dụng.

[6] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông Th rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại và chia thừa kế đối với ngôi nhà gỗ 03 gian lợp ngói, một số cây cối lưu niên và diện tích đất tại thửa đất số 146 là hoàn toàn tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Th là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việc ông Th bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi bà Đ trả lại diện tích đất phải trả lại diện tích đất 12 m² nằm ở phía Đông Bắc thửa đất bà Đ đang quản lý, mà bà Đ và ông L đã lấn chiếm của ông Th là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định: Anh N tự nguyện chịu cả 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại giai đoạn xét xử phúc thẩm và đã nộp đủ số tiền này cho Tòa án.

[8] Về án phí: Xét thấy, ông Th và bà Đ được chia di sản bằng hiện vật, bà V và bà H được chia kỷ phần thừa kế và nhường lại cho bà Đ kỷ phần của mình được chia, nhưng những người này đều là người cao tuổi, ông Th còn là thương binh nên thuộc diện được miễn án phí và đều có đơn xin miễn án phí. Vì vậy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho những người nêu trên là phù hợp. Anh N, anh T, anh M, chị T, anh H và anh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch thẩm

đổi với kỷ phần được chia nhưng đã nhường cho bà Đ sử dụng. Anh N kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc N. Sửa bản án sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Trà và cụ Nguyễn Thị Tý theo pháp luật:

1.1 - Xử chia cho ông Nguyễn Mạnh Th được quyền sử dụng diện tích đất 85,7 m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299 tại thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trị giá 65.375.400 đồng và sở hữu sở hữu bức tường bao phía N (dài 15,86 m và cao 2,1 m), bức tường bao phía Tây (dài 1,3 m và cao 2,1 m) trị giá 9.077.000 đồng và 01 cây hòe trên diện tích đất 85,7 m².

- Phần diện tích 85,7 m² (trong đó có 72 m² đất ở và 13,7 m² đất vườn) ông Nguyễn Mạnh Th được quyền sử dụng có kích thước: Phía Đông dài 8,3 m giáp đất ông Th; phía Tây dài 1,8 m + 1,3 m + 4,73 m giáp đường thôn và đất chia cho bà Đ; phía N dài 0,53 m + 18,37 m + 5,68 m giáp đường thôn và đất bà Phú; phía Bắc dài 23,82 m giáp đất chia cho bà Đ. (có sơ đồ cụ thể kèm theo)

- Xử buộc ông Nguyễn Mạnh Th phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc N giá trị 02 bức tường bao là 9.077.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền công sức tôn tạo, quản lý di sản. Tổng số tiền ông Th phải thanh toán cho bà Đ và anh N là 11.077.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2 - Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H , bà Nguyễn Thị V , chị Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Phú T, anh Nguyễn Quốc M, anh Nguyễn Ngọc N, anh Đinh Thế H và anh Đinh Hải Ng về việc nhường kỷ phần di sản thừa kế được chia cho bà Nguyễn Thị Đ toàn quyền sử dụng.

Xử chia cho bà Nguyễn Thị Đ sử dụng diện tích đất 342,8 m² (trong đó có 288 m² đất ở và 54,8 m² đất vườn) thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299 tại thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trị giá 261.501.600 đồng; có kích thước: Phía Đông dài 1,62 m + 10,91 m + 4,73 m giáp đất ông Đệ, diện tích đất 11,9 m² và phần đất chia cho ông Th; phía Tây dài 7,71 m + 7,31 m giáp đường thôn và thửa 146; phía N dài 23,82 m giáp đất chia cho ông Th; phía Bắc dài 7,01 m + 7,8 m + 2,35 m giáp đất ông Đệ (có sơ đồ cụ thể kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Th về việc đòi lại và chia thừa kế đối với ngôi nhà gỗ 03 gian lợp ngói, một số cây cối lưu niên và diện tích đất tại thửa đất số 146 tờ bản đồ số 01/DC bản đồ 299 tại thôn Hậu Thượng, xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh Th tự nguyện chịu cả 3.150.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản; anh Nguyễn Ngọc N tự nguyện chịu cả 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định lại (Ông Th và anh N đã nộp xong số tiền trên cho Tòa án).

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Mạnh Th, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị V.

Chị Nguyễn Thị Ánh T , anh Nguyễn Phú T , anh Nguyễn Quốc M , anh Nguyễn Ngọc N mỗi người phải chịu 653.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đinh Thế H và anh Đinh Hải Ng mỗi người phải chịu 1.634.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007784 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, anh Nguyễn Ngọc N còn phải nộp 353.000 đồng tiền án phí.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 27/3/2019 .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Đông Hưng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thái Hà